

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023

Thực hiện Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06) và tổng kết hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022; UBND tỉnh Thanh Hoá xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án 06 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án 06 trong năm 2023 và những năm tiếp theo; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cấp ủy, thủ trưởng các đơn vị, địa phương từ tỉnh đến cơ sở trong công tác triển khai thực hiện.

2. Tập trung phấn đấu hoàn thành các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể trong ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQG về DC), hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử (CCCD) để phục vụ 05 nhóm tiện ích: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (3) Phục vụ công dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

3. Xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, thời gian thực hiện, trách nhiệm hoàn thành để phân công cho các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện Đề án 06 theo các phương châm: “Chủ động, không trông chờ chỉ đạo của cấp trên”, “làm đến đâu chắc đến đấy”, “giải quyết công việc linh hoạt, hiệu quả, khoa học” và “có lộ trình thực hiện cụ thể”.

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo theo tiêu chí: “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm” trong triển khai thực hiện kế hoạch và

trong công tác phối hợp tham mưu cho Tổ công tác triển khai Đề án 06 tinh triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, huy động sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện Đề án 06

1.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết quả thực hiện Đề án 06, nhất là các tiện ích người dân, doanh nghiệp được hưởng trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Trang thông tin điện tử Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, trên hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông khác.

1.2. Đa dạng hóa các nội dung, hình thức tuyên truyền (*pano, áp phích, video hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công tại Bộ phận một cửa, trên màn hình led...*); trong đó nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, phát huy vai trò của các Tổ công tác triển khai Đề án 06 cơ sở, Tổ công nghệ số cộng đồng. Tạo mã Qrcode để người dân truy cập trung tâm hướng dẫn các nghiệp vụ về định danh, dịch vụ công.

1.3. Nâng cao công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trong công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06

2.1. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo, thúc đẩy, vào cuộc tích cực hơn nữa để triển khai thực hiện Đề án với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, hiệu quả.

2.2. Tăng cường quán triệt nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Đề án 06 trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030.

2.3. Có cơ chế kiểm tra, giám sát để hướng dẫn, giải đáp, khắc phục vướng mắc cho cấp cơ sở.

2.4. Sử dụng kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương.

3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai các nội dung của Đề án 06, nhất là đối với những nội dung mới chưa có tiền lệ

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất hoàn thiện hành lang pháp lý, nhất là xây dựng quy trình, quy định để thực hiện chuyển đổi phương thức hoạt động từ thủ công sang công nghệ hiện đại, trong đó ưu tiên tập trung xây dựng, sửa đổi bổ sung nhanh nhất các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh phục vụ triển khai Đề án 06, nhất là các văn bản phục vụ triển khai dịch vụ công trực tuyến, văn bản về định danh và xác thực điện tử.

3.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương chỉ đạo hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết dứt điểm các trường hợp vướng mắc để giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

4. Nâng cao hiệu quả thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện

4.1. Hoàn thiện hạ tầng phục vụ thực hiện có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

4.2. Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã cung cấp trên môi trường mạng, kết nối các dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia; rà soát, đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ các dịch vụ công đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia bảo đảm đáp ứng nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

4.3. Tập trung công tác số hóa kết quả công tác giải quyết thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin nhiều lần khi thực hiện các thủ tục hành chính, trong đó đẩy nhanh việc số hóa dữ liệu hồ tịch của ngành Tư pháp, dữ liệu đất đai của ngành Tài nguyên và Môi trường, dữ liệu thông tin thuê bao điện thoại,... nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4.4. Tập trung hoàn thành và triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu (25 dịch vụ công tại Đề án 06 và 28 dịch vụ công tại Quyết định 442/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ), nhất là 10 dịch vụ công đã quá hạn trong năm 2022.

4.5. Chủ động hướng dẫn, tổ chức triển khai số hóa, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tập trung triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện thông qua mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

5. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối dùng chung, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh

5.1. Khẩn trương nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (văn bản số 1552) để hoàn thành việc kết nối giữa Hệ thống

thông tin giải quyết thủ tục hành chính với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

5.2. Rà soát, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, CSDL; chú trọng bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và dữ liệu từ cấp tỉnh đến cơ sở; khẩn trương khắc phục những hạn chế, bất cập về lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân, không để xảy ra bất cứ sơ hở, thiếu sót dẫn đến lộ, lọt dữ liệu.

5.3. Tiếp tục duy trì công tác “nuôi sống”, “làm sạch” CSDLQG về DC bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”; tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành; các dữ liệu của các sở, ngành, địa phương phải được “làm sạch”, bổ sung, cập nhật theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống” để kết nối đồng bộ với CSDLQG về DC phục vụ xây dựng, triển khai các ứng dụng phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công dân số.

6. Đảm bảo nguồn nhân lực, kinh phí triển khai Đề án 06

6.1. Kiện toàn Tổ công tác triển khai Đề án 06 tại các cấp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ theo hướng bổ sung một số lãnh đạo các sở, ngành, địa phương tham gia để tăng cường chỉ đạo thực hiện Đề án 06 có hiệu quả.

6.2. Tăng cường đào tạo, thu hút, tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, hạn chế tình trạng chảy máu chất xám. Đảm bảo nguồn nhân lực tại 3 cấp, nhất là cấp xã đáp ứng các yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức; đề xuất cơ chế đặc thù để thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu.

6.3. Bố trí kinh phí để đảm bảo triển khai nhanh, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06, trước mắt tập trung kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với hệ thống công nghệ thông tin tại địa phương đảm bảo an ninh, an toàn theo Công văn số 1552, kinh phí tuyên truyền; kinh phí đầu tư trang thiết bị đầu cuối cho cán bộ công chức, viên chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công an tỉnh - Cơ quan Thường trực Tổ công tác Đề án 06 tỉnh

1.1. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 tại địa phương (*sau khi có Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ*).

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02 năm 2023.

1.2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan, UBND các địa phương tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo kiện toàn Tổ công tác, Tổ giúp việc Đề án 06 các cấp.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02 năm 2023.

1.3. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan, UBND các địa phương tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát; hướng dẫn giải đáp vướng mắc cho cấp cơ sở.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02 năm 2023 và thực hiện thường xuyên.

1.4. Tổ chức cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip, Thông báo số định danh cá nhân, cấp tài khoản định danh điện tử cho công dân đủ điều kiện; chuẩn hóa, cập nhật và chia sẻ thông tin trong CSDLQG về DC với các sở, ngành, địa phương. Tham mưu, hướng dẫn, triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hỗ trợ người dân thực hiện các dịch vụ công có sử dụng thông tin về công dân, nhất là trong thời gian đầu bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy; cùng với các sở, ngành, địa phương, các cơ quan thông tin và truyền thông vào cuộc, tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, để người dân an tâm, sử dụng bảo đảm mọi quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người dân.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên

1.5. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa CSDLQG về DC với Cơ sở dữ liệu hộ tịch và số hóa, làm sạch dữ liệu hộ tịch nhằm tạo thành bộ dữ liệu dùng chung phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu liên quan đến lĩnh vực Tư pháp trong thời gian tới.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên

1.6. Phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông: Đăng ký khai tử - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai tang phí.

Thời gian thực hiện: Theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ.

1.7. Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm xã hội tỉnh,... và các hội, đoàn thể thực

hiện việc làm sạch dữ liệu giữa dữ liệu chuyên ngành với dữ liệu CSDLQG về DC để phục vụ việc kết nối chia sẻ, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

1.8. Phối hợp với Văn phòng UBND, Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường việc tuyên truyền, hỗ trợ người dân trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó cần phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng và Bộ phận một cửa các cấp trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số và thực hiện có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

1.9. Chỉ đạo Công an cơ sở tổ chức, phối hợp cùng UBND các cấp tại địa phương rà soát các địa điểm để bố trí đầy đủ phương tiện máy tính, mạng internet để hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến (*khu chung cư, bộ phận tiếp nhận một cửa, địa điểm phù hợp khác, ...*) bảo đảm 100% các phường, thị trấn và 80% các xã được bố trí các địa điểm giúp người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; xây dựng mô hình điểm triển khai các dịch vụ công trực tuyến. Niêm yết các thủ tục hành chính, phí, lệ phí và các hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các địa điểm triển khai.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

1.10. Phối hợp Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch nghiên cứu, xây dựng mô hình tiếp nhận thông báo lưu trú tại các cơ sở khám chữa bệnh, trường học, nhà khách, nhà công vụ, cơ sở kinh doanh lưu trú với chức năng chính gồm: Quản lý khách sạn, nhà hàng và tự động thông báo lưu trú gắn với số hóa dữ liệu khi Cục C06 - Bộ Công an triển khai phần mềm quản lý lưu trú cho các cơ sở.

Thời gian hoàn thành: Trước 31/3/2023 và thực hiện thường xuyên.

1.11. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương tiến hành sơ kết, tổng kết, báo cáo định kỳ kết quả triển khai Đề án 06.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Văn phòng UBND tỉnh

2.1. Phối hợp với Công an tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị đẩy mạnh triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02/2023.

2.2. Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản yêu cầu 100% cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang chỉ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền người thân sử dụng DVC trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02/2023 và đẩy mạnh triển khai trong quý I/2023.

2.3. Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã tăng năng suất tiếp nhận hồ sơ trung bình của mỗi cán bộ một cửa theo yêu cầu của Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tiến tới đề xuất cắt giảm số lượng nhân sự tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa các cấp nhằm đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; áp dụng mô hình triển khai dịch vụ công trực tuyến tại các nhà văn hoá, khu dân cư, xóm,... phù hợp với địa bàn từng địa phương.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

2.4. Phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị có chức năng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, nghiên cứu, sử dụng phù hợp, hiệu quả 07 phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế việc yêu cầu xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của Luật Cư trú. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, ban ngành không yêu cầu người dân xác nhận số Chứng minh nhân dân 9 số vì đã có trên mã QRcode của thẻ CCCD gắn chíp.

Thời gian thực hiện: Tháng 2/2023.

2.5. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh, Tổ công tác Đề án 06 tỉnh chỉ đạo các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được phân công; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình, kết quả, tiến độ thực hiện của các đơn vị.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

3.1. Bố trí đầy đủ hệ thống máy móc, trang thiết bị (máy tính, máy scan, máy đọc mã Qrcode, đọc chip, đường truyền Internet,...) để số hóa dữ liệu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Quý I/2023.

3.2. Tập huấn quy trình dữ liệu số hoá hồ sơ cho cán bộ một cửa các cấp, tạo bộ dữ liệu dùng chung.

Thời gian thực hiện: Năm 2023.

3.3. Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện tái cấu trúc quy trình điện tử các thủ tục hành chính trực tuyến; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, đã kết nối với cơ sở dữ liệu dân cư.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3.4. Hợp nhất Cổng dịch vụ công tỉnh với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung duy nhất của tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Quý II/2023

3.5. Thực hiện kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Thời gian hoàn thành: Tháng 02/2023

3.6. Theo dõi các chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu, thời gian thực hiện theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ (bản đồ thực thi thể chế trên Cổng dịch vụ công quốc gia) để tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung chỉ đạo, điều hành bảo đảm công khai, minh bạch, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao vai trò người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện dịch vụ công.

Thời gian hoàn thành: Năm 2023 và thường xuyên

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan, UBND cấp huyện bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án 06.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023 và thường xuyên.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

5.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí đầu tư cho triển khai Đề án 06; tập trung nghiên cứu, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với hệ thống công nghệ thông tin tại địa phương bảo đảm an ninh, an toàn theo hướng dẫn văn bản số 1552 của Bộ Thông tin và Truyền thông để kết nối với CSDLQG về DC.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023 và thường xuyên.

5.2. Phối hợp với Công an tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu đăng ký doanh nghiệp để thực hiện cấp định danh điện tử cho doanh nghiệp.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 03/2023 và thực hiện thường xuyên.

6. Sở Tư pháp

6.1. Số hóa sổ hộ tịch theo quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa CSDLQG về DC với Cơ sở dữ liệu hộ tịch và nhập dữ liệu hộ tịch trên nền tảng CSDLQG về DC theo 02 quy trình số 1050/HTQTCT-QLHC ngày 09/11/2022, 1292/HTQTCT-QLHC ngày 20/12/2022 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp nhằm tạo thành bộ dữ liệu dùng chung phục vụ khai thác, sử dụng dữ liệu liên quan đến lĩnh vực Tư pháp trong thời gian tới.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

6.2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến Đề án 06, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật cần phải sửa đổi, bổ sung liên quan đến Đề án 06.

Thời gian hoàn thành: Tháng 4 năm 2023.

6.3. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tái cấu trúc quy trình điện tử các TTHC trực tuyến; xây dựng các biểu mẫu điện tử, tờ khai trực tuyến đối với các TTHC thiết yếu theo Đề án 06 để người dân có thể khai trực tiếp vào tờ khai điện tử mà không phải tải bản scan tờ khai để nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công tỉnh (trước mắt là TTHC lĩnh vực Lý lịch tư pháp).

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

6.4. Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tiến hành áp dụng 07 phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02 năm 2023.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

7.1. Đánh giá sự cần thiết của các App ID tại địa bàn tỉnh để thống nhất sử dụng 01 app duy nhất là VNeID là app quốc gia.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023.

7.2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đầu tư hạ tầng kỹ thuật, các thành phần công nghệ thông tin thiết yếu bảo đảm an ninh, an toàn theo hướng dẫn tại văn bản số 1552 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023.

7.3. Phối hợp với Tổ công tác triển khai Đề án 06 Trung ương kiểm tra, rà soát, đánh giá lại các nội dung tồn tại, hạn chế của Cổng dịch vụ công tỉnh, hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh đảm bảo an ninh an toàn thông tin để thực hiện kết nối với CSDLQG về DC.

Thời gian hoàn thành: Xong trong tháng 02 năm 2023.

7.4. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ về an toàn thông tin bảo đảm cho cán bộ có kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ công nghệ thông tin, đặc biệt là an toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại các đơn vị.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 03 năm 2023.

7.5. Chỉ đạo các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền về việc triển khai Đề án 06, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân sử dụng VNeID tài khoản mức 2 tương đương với thẻ CCCD, BHYT; tuyên truyền sử dụng Căn cước công dân, thiết bị đọc mã QRcode, Chip trên thẻ Căn cước công dân để đảm bảo quyền lợi của nhân dân khi bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy. Đồng thời phối hợp với Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh đăng ký với Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư - Bộ Công an triển khai các tiện ích trên ứng dụng VNeID quốc gia và các dịch vụ ứng dụng cho người dân, doanh nghiệp trên toàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý I năm 2023 và thực hiện thường xuyên.

7.6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Công an tỉnh thường xuyên giám sát, kiểm tra an toàn thông tin và điều phối hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố an toàn thông tin mạng đối với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7.7. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh khẩn trương xử lý dứt điểm tình trạng SIM rác, thống nhất giải pháp xác thực thông tin thuê bao di động với CSDLQG về DC theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ nhắn tin thông báo cho người dân, doanh nghiệp đối với một số nội dung triển khai Đề án 06.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2023.

7.8. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tập trung huy động nguồn lực, đầu tư, xây dựng hạ tầng mạng lưới để phủ sóng mạng thông tin di động, Internet đến 100% các thôn, bản trên địa bàn tỉnh, đảm bảo người dân trên toàn tỉnh không ai bị bỏ lại phía sau.

Thời gian hoàn thành: Quý II/2023, ngay sau khi thôn, bản có điện lưới.

7.9. Phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh trên cơ sở dữ liệu hộ tịch đã được nhập trên nền tảng CSDLQG về DC để triển khai giải pháp tạo lập dữ liệu dùng chung cho tỉnh Thanh Hóa theo hướng dẫn của Trung ương.

Thời gian thực hiện: Ngay sau khi Sở Tư pháp hoàn thành việc nhập dữ liệu hộ tịch trên nền tảng CSDLQG về DC.

7.10. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai mã QRcode tại các khu dân cư để tuyên truyền đến người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là 25 dịch vụ công thiết yếu và các nội dung tuyên truyền khác.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7.11. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các đơn vị có liên quan triển khai mô hình điểm cấp chữ ký số, thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế, giáo dục; cấp 100% chữ ký số cho đội ngũ y tế, giáo viên trên toàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023.

7.12. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai cấp chữ ký số cho người dân có độ tuổi trưởng thành trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân, nhân rộng cho cộng đồng doanh nghiệp khi tham gia các thủ tục hành chính.

Thời gian hoàn thành: Thực hiện theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

8. Sở Nội vụ

8.1. Trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông, đưa các nội dung về đào tạo cán bộ về an toàn thông tin bảo đảm cho cán bộ có kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ công nghệ thông tin, đặc biệt là an toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại các đơn vị vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức hàng năm của tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, thực hiện.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023.

8.2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá thực trạng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 31/11/2023.

8.3. Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về DC.

Thời gian hoàn thành: Trong năm 2023.

9. Sở Y tế

9.1. Thống kê, cập nhật thông tin, dữ liệu về y sĩ, bác sĩ, bệnh viện, trạm y tế, nhà thuốc, giường bệnh, trang thiết bị y tế,... vào cơ sở dữ liệu của ngành y tế. Phối hợp với Công an tỉnh làm sạch dữ liệu về y tế với CSDLQG về DC.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023.

9.2. Tiếp tục thực hiện rà soát, đối chiếu, cập nhật, làm sạch dữ liệu tiêm chủng COVID-19 với CSDLQG về DC, bảo đảm chính xác, đúng quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

9.3. Hướng dẫn các cơ sở y tế cập nhật dữ liệu nhóm thông tin cơ bản về y tế vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định. Thực hiện việc chia sẻ một số trường thông tin của Sổ sức khỏe điện tử hiển thị trên ứng dụng VNeID theo đúng quy định của pháp luật.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 03 năm 2023.

9.4. Chỉ đạo 100% các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ BHYT trong khám chữa bệnh; sử dụng thiết bị đọc mã QRcode đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng theo quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công dân khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VneID; triển khai mô hình điểm cấp chữ ký số, thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế; cấp 100% chữ ký số cho đội ngũ cán bộ y tế trên toàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý I năm 2023 và thực hiện thường xuyên.

9.5. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh khai báo lưu trú trên VNeID để phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm, quản lý cư trú, làm giàu dữ liệu dân cư và từng bước số hóa dữ liệu bệnh nhân.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 02 năm 2023 và thường xuyên.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

10.1. Triển khai việc chấp nhận thu, nộp học phí không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn; triển khai mô hình điểm cấp chữ ký số, thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục; cấp 100% chữ ký số cho đội ngũ giáo viên trên toàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục; thống kê số lượng giáo viên, các giải pháp thu nộp học phí mà các cơ sở giáo dục đang sử dụng trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Quý I/2023 và thường xuyên.

10.2. Triển khai sử dụng thiết bị xác minh di động để phòng chống gian lận trong thi cử.

Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2023 khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.3. Rà soát cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ kết nối, chia sẻ với CSDLQG về DC.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên trong năm học.

11. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

11.1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đối sánh, làm sạch, đồng bộ dữ liệu các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội (*hộ nghèo, cận nghèo, người có công...*) trên địa bàn tỉnh với CSDLQG về DC.

Thời gian thực hoàn thành: Trong quý I năm 2023.

11.2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa xây dựng mô hình cấp tài khoản an sinh xã hội để tiến hành cấp tài khoản an sinh, thực hiện chi trả các khoản trợ cấp qua tài khoản (không dùng tiền mặt) cho 100% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội (*đã đăng ký tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản Mobile money...*) từ ngân sách nhà nước.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I năm 2023.

11.3. Triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ công thiết yếu theo chức năng, nhiệm vụ của Đề án 06.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

12.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính thực hiện số hóa, làm sạch dữ liệu đất đai, thông tin nhà ở trong Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 3 năm 2023.

12.2. Xây dựng, hoàn thành Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa, sớm cung cấp các dịch vụ công trực tuyến liên quan đến lĩnh vực đất đai phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thời gian thực hoàn thành: Trong tháng 6 năm 2023.

12.3. Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trên địa bàn tiến hành áp dụng 07 phương

thức khai thác thông tin công dân, nơi thường trú thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ TTHC.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02 năm 2023.

12.4. Triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ công thiết yếu theo chức năng, nhiệm vụ của Đề án 06; nâng cao tỷ lệ thanh toán nghĩa vụ tài chính điện tử về đất đai.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

13. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản để thực hiện việc kết nối chia sẻ dữ liệu Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đã cấp trước năm 2009 với cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia để phục vụ công tác quản lý nhà nước về việc giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp; kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về DC để làm sạch, làm giàu dữ liệu, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thời gian hoàn thành: Trong quý II năm 2023.

14. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu kết quả khám sức khỏe điện tử để đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả dịch vụ công cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe toàn trình.

Thời gian hoàn thành: Tháng 3 năm 2023.

15. Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và công nghệ: Rà soát, triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ kết nối, chia sẻ với CSDLQG về DC.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

16. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa

16.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tiến hành cấp tài khoản an sinh, thực hiện chi trả các khoản trợ cấp qua tài khoản (không dùng tiền mặt) cho 100% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội (*đã đăng ký tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản Mobile money...*) từ ngân sách nhà nước.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý I năm 2023.

16.2. Đề nghị các tổ chức tín dụng trên địa bàn khẩn trương nghiên cứu, tích hợp các giải pháp phù hợp với từng đơn vị, tổ chức kết nối, sử dụng các thiết bị xác thực trong hoạt động cho vay.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý I năm 2023.

16.3. Triển khai làm sạch thông tin tín dụng ngân hàng.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý I năm 2023.

17. Bảo hiểm xã hội tỉnh

17.1. Triển khai xác thực sinh trắc học trên thẻ CCCD góp phần hạn chế và ngăn chặn trục lợi trong lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN khi có hướng dẫn của BHXH Việt Nam.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

17.2. Tiếp tục phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế chỉ đạo 100% các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ BHYT trong khám chữa bệnh; sử dụng thiết bị đọc mã QRcode đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chất lượng để phục vụ công dân khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VneID.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023.

17.3. Tiếp tục phối hợp người tham gia, đơn vị quản lý người tham gia và Công an tỉnh trong việc thu thập, rà soát, bổ sung số ĐDCN/CCCD của người tham gia vào CSDLQG về bảo hiểm để 100% người tham gia được xác thực số ĐDCN/CCCD với CSDLQG về dân cư.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

18. Cục thuế tỉnh

18.1. Làm sạch dữ liệu chuyên ngành phục vụ kết nối, chia sẻ với CSDLQG về DC.

Thời gian thực hiện: Năm 2023.

18.2. Triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đặc biệt là thanh toán nghĩa vụ tài chính điện tử về đất đai trên Cổng dịch vụ công và trên thiết bị di động (Etax Mobile).

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

19. Tòa án nhân dân tỉnh: Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu công bố bản án, quyết định của Tòa án với CSDLQG về DC.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023.

20. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh: Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin Quyết định thi hành các biện pháp ngăn chặn đối với công dân đang trong quá trình điều tra; Cơ sở dữ liệu thống kê tư pháp, thống kê tội phạm; cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công chức, viên chức trong ngành với CSDLQG về DC.

Thời gian thực hiện: Năm 2023 và thường xuyên.

21. Tỉnh đoàn Thanh Hóa: Chỉ đạo các tổ chức đoàn trực thuộc phát huy vai trò thanh niên xung kích trong tiến trình chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06; đưa ra các giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai Đề án 06, đặc biệt là nâng cao tỉ lệ kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023 và thường xuyên.

22. UBND các huyện, thị xã, thành phố

22.1. Chỉ đạo tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân sử dụng VNeID tài khoản mức 2 tương đương với thẻ Căn cước công dân, bảo hiểm y tế trong quá trình giao dịch dân sự, thực hiện thủ tục hành chính. Chỉ đạo các đơn vị chức năng chấp nhận việc người dân xuất trình các giấy tờ tùy thân thông qua tài khoản VNeID mức 2.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

22.2. Điều tra cơ bản đặc thù của từng vùng trên địa bàn để áp dụng triển khai Đề án 06, mô hình thực hiện dịch vụ công có hiệu quả tại khu dân cư, xóm, thôn, bản, tổ dân phố,...

Thời gian hoàn thành: Trong quý I năm 2023 và thực hiện thường xuyên.

22.3. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện việc áp dụng 07 phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư; sử dụng CCCD, thiết bị đọc mã QRcode, chip trên thẻ CCCD để đảm bảo quyền lợi của nhân dân khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy không còn giá trị sử dụng.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2023 và thực hiện thường xuyên.

22.4. Bố trí tại các điểm tiếp dân, bộ phận một cửa ít nhất có 01 máy tính kết nối mạng internet để hướng dẫn tạo tài khoản định danh điện tử và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến cho công dân.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý I năm 2023.

22.5. Chỉ đạo Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã trong quá trình tiếp công dân tiến hành tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; phấn đấu đạt tỷ lệ 100% người dân sử dụng tài khoản định danh cá nhân thực hiện dịch vụ công (với những tài khoản người dân đã mở trên Cổng dịch vụ công quốc gia trước đó sẽ thực hiện chuyển đổi theo lộ trình của Đề án 06).

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

22.6. Bố trí, hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để các Tổ công tác triển khai Đề án 06 tại địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2023 và thường xuyên.

22.7. Chỉ đạo UBND cấp xã huy động nguồn nhân lực để làm sạch các dữ liệu của ngành Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội, y tế, đất đai, nhà ở, dữ liệu của các hội, đoàn thể... để kết nối, đồng bộ với CSDLQG về DC. Chỉ đạo Tổ công tác Đề án 06 các cấp thực hiện thống kê, rà soát, cập nhật làm sạch dữ liệu đảm bảo thông tin công dân luôn “đúng, đủ, sạch, sống”.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các sở, ngành, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và gửi về Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh (*qua Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh*) trước ngày 20/02/2023 để theo dõi (*yêu cầu Kế hoạch triển khai thực hiện phải rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ lộ trình thực hiện và kiểm soát được kết quả thực hiện; xem xét trách nhiệm người đứng đầu nếu không hoàn thành đúng tiến độ theo Kế hoạch*).

2. Định kỳ hằng tháng (*trước ngày 16 của tháng*), 6 tháng (*trước ngày 16/6*), 01 năm (*trước ngày 16/12*) báo cáo kết quả về Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh (*qua Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh*) để tổng hợp báo cáo Tổ công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ.

3. Giao Công an tỉnh - Cơ quan Thường trực là đầu mối có trách nhiệm thường xuyên trao đổi với Cục C06 (*Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư*) - Bộ Công an để báo cáo tình hình, kết quả, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp triển khai, thực hiện Đề án 06 và báo cáo Tổ trưởng Tổ công tác Đề án 06 tỉnh chỉ đạo, giải quyết.

Giao Công an tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 tại các đợt sơ kết, tổng kết. Đề xuất xử lý những đơn vị, cá nhân không hoàn thành, thực hiện chậm, muộn tiến độ các nhiệm vụ của Đề án 06 hoặc có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, tự ý đặt ra các thủ tục hành chính không đúng quy định.

4. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Công an tỉnh theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai, thực hiện Kế hoạch của các sở, ngành, đơn vị, địa phương; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này. Đề xuất giao ban hằng tháng để đánh giá kết quả, tiến độ

thực hiện hoặc giao ban đột xuất khi có những nội dung yêu cầu chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành theo tiến độ đã đề ra.

UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Tổ công tác Đề án 06 tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Tổ Công tác Đề án 06 Chính phủ (VPCP, Bộ Công an, để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Tỉnh đoàn Thanh Hóa;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Đồng chí Bí thư các Thành, Thị, Huyện ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thành viên Tổ công tác ĐA06 tỉnh;
- Lưu: VT, CNTT, KSTTHCNC.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn